

MỤC LỤC

1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

2. Báo cáo kiểm toán độc lập

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kèm theo

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

KHOẢNG CÁCH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày 01 tháng 01 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
1. Tổng	
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	03-05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06-07
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	08-40
· Bảng cân đối kế toán	08-11
· Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
· Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13
· Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14-40

Họ và tên

Ông Lê Xuân Nghĩa

Ông Ngô Văn Hương

Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Ông Trần Ngọc Tuấn

Ông Lê Hoàng Quân

Chức vụ

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã tiến hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này chưa gặp các vị như sau:

Họ và tên

Bà Phạm Thị Thủy

Bà Triệu Thị Hà

Ông Lê Đức Hải

Chức vụ

Trưởng Ban Kiểm soát

Thành viên

Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã tiến hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này chưa gặp các vị như sau:

Họ và tên

Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Bà Nguyễn Hương Thảo

Ông Phạm Văn Tuấn

Chức vụ

Thành viên

Kiểm toán độc lập (Đã hết hạn ngày 02/10/2015)

Kiểm toán độc lập (Đã hết hạn ngày 02/10/2015)

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã tiến hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này chưa gặp các vị như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106332492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2013 và được đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 15 tháng 09 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 15/09/2014 là 125.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng chẵn*) tương đương 12.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là thương mại hạt nhựa và sản xuất bao bì nhựa.

2. Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Xuân Nghĩa	Chủ tịch
- Ông Ngô Văn Phương	Phó Chủ tịch
- Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
- Ông Tào Ngọc Tuấn	Thành viên
- Ông Lê Hoàng Quân	Thành viên

Các thành viên của Ban kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Phạm Thị Thủy	Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Triệu Thị Hà	Thành viên
- Ông Lê Đức Bắc	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Hương Thảo	Kế toán trưởng (Đến hết ngày 02/10/2015) (i)
- Ông Phạm Thiên Thành	Kế toán trưởng (Kể từ ngày 02/10/2015) (i)

(i) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 14/NHP/BB-HĐQT/2015 ngày 02/10/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty xin được công bố sự kiện phát sinh quan trọng kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này như sau:

- Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy phép kinh doanh lần thứ 5 ngày 04 tháng 03 năm 2016, theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng lên là 174.554.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi bốn tỷ, năm trăm năm mươi bốn triệu đồng chẵn*) tương đương 17.455.400 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 10/2015/GCNCP- UBCK do Ủy ban chứng khoán cấp lần đầu ngày 29 tháng 01 năm 2015 và được đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 01 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng cho rằng, ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Mai Hương

Tổng Giám đốc

Số: 49/2016/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP được lập ngày 12 tháng 03 năm 2016, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 40 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

404
NCT
HIỆ
PH
ETV
UAI

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0162-2015-242-1

Trần Thị Nguyệt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0589-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP
Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.712.982.230	53.918.432.593
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	14.664.266.409	5.195.883.677
1. Tiền	111		14.664.266.409	5.195.883.677
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.851.075.963	43.996.799.063
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.2	35.774.491.715	26.643.022.543
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.3	8.386.077.500	11.553.947.601
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.4	15.690.506.748	5.799.828.919
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.5	-	-
IV. Hàng tồn kho	140	VI.5	22.057.632.350	4.701.752.253
1. Hàng tồn kho	141		22.057.632.350	4.701.752.253
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.140.007.508	23.997.600
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	115.530.657	23.997.600
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.024.476.851	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		161.820.254.125	98.325.139.036
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		70.474.706.451	53.197.300.523
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	70.474.706.451	53.197.300.523
- Nguyên giá	222	VI.10	73.967.212.727	54.518.523.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	VI.11	(3.492.506.276)	(1.321.223.113)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225	VI.12	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	VI.13	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.7	91.000.000.000	45.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		83.000.000.000	30.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.000.000.000	15.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		345.547.674	127.838.513
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.6	345.547.674	127.838.513
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	VI.8	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		264.533.236.355	152.243.571.629

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP
 Địa chỉ: Thôn Diêm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		75.565.353.110	21.816.258.248
I. Nợ ngắn hạn	310		72.533.353.110	21.816.258.248
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.10	24.452.835.491	14.535.596.524
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.11	1.466.152.290	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.12	2.695.345.163	1.713.714.755
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		80.000.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.13	33.376.126	66.946.969
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.9	43.555.676.000	5.500.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		249.968.040	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.032.000.000	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.8	3.032.000.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Diêm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		188.967.883.245	130.427.313.381
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.14	188.967.883.245	130.427.313.381
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		174.554.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		174.554.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		878.724.121	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		13.535.159.124	5.427.313.381
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.255.681.220	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.279.477.904	5.427.313.381
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		264.533.236.355	152.243.571.629

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2016

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng



Phạm Thiên Thành

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Mai Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	90.677.506.797	69.138.551.998
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	81.136.364	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		90.596.370.433	69.138.551.998
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	80.099.838.196	59.858.222.613
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.496.532.237	9.280.329.385
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	5.825.750.495	1.015.643
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	1.512.614.657	387.786.759
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.397.761.208	387.786.759
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	783.634.477	21.450.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	2.772.331.228	1.480.421.516
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.253.702.370	7.391.686.753
11. Thu nhập khác	31	VII.6	1.006.388.638	145.000
12. Chi phí khác	32	VII.7	279.571.241	1.903.217
13. Lợi nhuận khác	40		726.817.397	(1.758.217)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.980.519.767	7.389.928.536
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.9	2.701.041.863	1.531.767.726
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.279.477.904	5.858.160.810
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		717	821
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng



Phạm Thiên Thành

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Mai Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B03 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính : VND

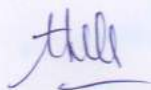
Chi tiêu	MS	TM	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		69.356.377.611	49.409.384.655
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(69.196.556.360)	(51.177.198.350)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.317.174.420)	(4.212.552.633)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.397.761.208)	(387.786.759)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.529.241.926)	(10.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		53.428.431.120	13.016.609.635
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(61.467.730.976)	(24.402.143.644)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.123.656.159)	(17.763.687.096)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.448.689.091)	(36.827.551.136)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(74.000.000.000)	(45.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		27.400.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.112.027	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(66.038.577.064)	(81.827.551.136)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		49.554.000.000	100.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		57.028.088.044	28.477.136.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15.940.412.044)	(23.691.136.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		90.641.676.000	104.786.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		9.479.442.777	5.194.761.768
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.195.883.677	1.121.909
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		(11.060.045)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VL01	14.664.266.409	5.195.883.677

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thị Thanh Minh

Phạm Thiên Thành

Nguyễn Thị Mai Hương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09 - DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106332492 do Sở Kế hoạch Đầu thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2013 và được đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 15 tháng 09 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 15/09/2014 là 125.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng*) tương đương 12.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thương mại hạt nhựa và sản xuất bao bì nhựa.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Sản xuất sôcôla và mứt kẹo;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Khai thác và thu gom than non; Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác dầu thô; Khai thác quặng sắt; Khai thác kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc sắt, thép; Đúc kim loại màu; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Rèn đập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại;
- Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại; Dịch vụ liên quan đến in; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoạt động thiết kế chuyên dụng trang trí nội thất;
- Đại lý; May trang phục; Sản xuất hàng may sẵn; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Hoạt động viễn thông khác; Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09 - DN

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09 - DN

Giá gốc của hàng tồn kho đo đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50 năm
- Máy móc, thiết bị	05-25 năm
- Phương tiện vận tải	01-10 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09 - DN

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực kinh doanh thương mại hạt nhựa và sản xuất bao bì nhựa.

Khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hà Nội do đó công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.397.319.593	1.995.492.964
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.266.946.816	3.200.390.713
- Tiền gửi ngân hàng VND	9.260.166.382	3.199.111.132
Ngân hàng TMCP An Bình	954.331.035	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam	4.338.278.995	2.467.417
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Tây Hà Nội	3.961.557.347	-
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	5.999.005	3.191.922.057
Ngân hàng Bảo Việt	-	915.086
Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	-	3.806.572
- Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ (USD)	6.780.434	1.279.581
Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương		1.279.581
Ngân hàng TMCP An Bình	2.246.225	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Tây HN	2.285.168	-
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	2.249.041	-
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	14.664.266.409	5.195.883.677

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	35.774.491.715	-	26.643.022.543	-
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	30.369.956.915	-	13.231.255.317	-
- Công ty CP Đầu tư NHP	5.973.968.000	-		-
- Công ty TNHH Thịnh Phát	24.395.988.915	-	13.231.255.317	-
Các khách hàng khác	5.404.534.800	-	13.411.767.226	-
b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu)				
Cộng	35.774.491.715	-	26.643.022.543	-
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	5.973.968.000	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư NHP	5.973.968.000	-	-	-
Cộng	5.973.968.000	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.386.077.500	11.553.947.601
- Trả trước cho người bán ngắn hạn (chi tiết chiếm từ 10% khoản trả trước)	7.309.027.500	11.399.936.591
+ Công ty TNHH May thuê Minh Phương	7.309.027.500	11.399.936.591
- Các công ty khác	1.077.050.000	154.011.010
Cộng	8.386.077.500	11.553.947.601

4 . PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	15.690.506.748		5.799.828.919	
Các khoản phải thu khác	15.690.506.748		5.799.828.919	
- Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	6.350.000.000	-		
+ Ông Trịnh Bá Toàn (i)	1.350.000.000			
+ Ông Đinh Ngọc Dương (ii)	5.000.000.000			
- Tam ứng (iii)	7.348.956.748	-	4.555.080.879	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.991.550.000		1.244.748.040	-
b) Dài hạn				
Cộng	15.690.506.748		5.799.828.919	

(i) Phải thu Ông Trịnh Bá Toàn tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Delex Việt Nam theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2015/HĐCN-DELEX ngày 01 tháng 07 năm 2015, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 100.000 cổ phần, giá chuyển nhượng là 13.500 VND/cổ phần.

(ii) Phải thu Ông Đinh Ngọc Dương tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2015/HĐCN ngày 01 tháng 07 năm 2015, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 500.000 cổ phần, giá chuyển nhượng là 10.000 VND/cổ phần.

(iii) Chi tiết số dư tam ứng :	Số cuối năm
- Ông Lê Xuân Nghĩa	112.522.061
- Ông Lê Đức Bắc	2.000.000
- Ông Nguyễn Thành Trung	25.000.000
- Bà Nguyễn Thị Mai	3.158.778.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Minh	300.000.000
- Ông Ngô Văn Phương	178.500.000
- Bà Triệu Thị Hà	2.958.000.000
- Bà Trần Thị Ngọc Nguyệt	300.000.000
- Ông Vũ Quang	314.156.687
Cộng	7.348.956.748

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên vật liệu	6.176.551.630	-	840.935.854	-
Công cụ, dụng cụ	135.090.909	-	13.086.911	-
Chi phí SXKD dở dang	9.355.843.055	-	2.981.571.769	-
Thành phẩm nhập kho	2.881.586.057	-	866.157.719	-
Hàng hóa	3.508.560.699	-	-	-
Cộng	22.057.632.350	-	4.701.752.253	-

6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	115.530.657	23.997.600
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	63.764.607	
- Chi phí bảo dưỡng đường bộ	2.532.502	
- Chi phí mua bảo hiểm	49.233.548	23.997.600
b) Dài hạn	345.547.674	127.838.513
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	131.349.698	100.565.786
- Chi phí thẩm định giá	9.652.976	27.272.727
- Các khoản khác	204.545.000	-
Cộng	461.078.331	151.836.113

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP
Địa chỉ: Thôn Diêm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09 - DN

7 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	91.000.000.000	(*)	-	45.000.000.000	(*)
* Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:					
* Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	91.000.000.000	(*)	-	45.000.000.000	(*)
- Đầu tư vào công ty con					
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	83.000.000.000	(*)	-	30.000.000.000	(*)
+ Công ty TNHH Dệt Kim Phú Vinh Hưng		(*)		20.000.000.000	(*)
+ Công ty CP Delex Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 20%	9.000.000.000	(*)	-	10.000.000.000	(*)
+ Công ty CP Đầu tư NHP - tỷ lệ sở hữu 37% (i)	74.000.000.000	(*)	-	-	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	8.000.000.000	(*)	-	15.000.000.000	-
+ Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường		(*)		5.000.000.000	(*)
+ Công ty CP Nam Hà Việt Thái		(*)		2.000.000.000	(*)
+ Công ty CP Dầu thực vật Sài Gòn - tỷ lệ sở hữu 4%	8.000.000.000	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	91.000.000.000	(*)	-	45.000.000.000	(*)

(i) Theo Nghị quyết số 17/NHP/NQ-HĐQT/2015 ngày 01/12/2015 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP, Công ty đầu tư góp vốn 74 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn chiếm tỷ lệ 37% vốn, đến thời điểm ngày 31/12/2015 đã góp đủ số vốn trên.

(*) Xem thuyết minh số 4.5 trang 38.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP
 Địa chỉ: Thôn Diêm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09 - DN

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	40.909.090.909	13.609.432.727	-	-	-	54.518.523.636
Tăng trong năm	-	14.343.729.091	5.104.960.000	-	-	19.448.689.091
- Mua trong năm		14.343.729.091	5.104.960.000			19.448.689.091
- Đầu tư XD CB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	40.909.090.909	27.953.161.818	5.104.960.000	-	-	73.967.212.727

II. Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	596.590.908	724.632.205	-	-	-	1.321.223.113
Tăng trong năm	1.022.727.276	1.020.931.885	127.624.002	-	-	2.171.283.163
- Số khấu hao trong năm	1.022.727.276	1.020.931.885	127.624.002			2.171.283.163
- Tăng khác						-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	1.619.318.184	1.745.564.090	127.624.002	-	-	3.492.506.276

III. Giá trị còn lại

1. Tại ngày đầu năm	40.312.500.001	12.884.800.522	-	-	-	53.197.300.523
2. Tại ngày cuối năm	39.289.772.725	26.207.597.728	4.977.335.998	-	-	70.474.706.451

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP
 Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09 - DN

9 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số đầu năm
a) Vay ngắn hạn	43.555.676.000	43.555.676.000	53.658.088.044	15.602.412.044	5.500.000.000	5.500.000.000
Ngân hàng NN & PTNT - CN Tây Hà Nội (i)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (ii)	13.555.676.000	13.555.676.000	13.555.676.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội	-	-	10.102.412.044	15.602.412.044	5.500.000.000	5.500.000.000
b) Vay dài hạn	3.032.000.000	3.032.000.000	3.370.000.000	338.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội (iii)	3.032.000.000	3.032.000.000	3.370.000.000	338.000.000	-	-
Cộng	46.587.676.000	46.587.676.000	57.028.088.044	15.940.412.044	5.500.000.000	5.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Vay ngắn hạn:

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1480-LAV-201500225 ngày 06 tháng 10 năm 2015, hạn mức của hợp đồng là 30 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội theo Hợp đồng cấp hạn mức số 2887/15/TD-TT/II ngày 29 tháng 06 năm 2015, hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh bao bì theo từng phương án khả thi có dòng tiền về ABBank.

Vay dài hạn:

(iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc Dân theo Hợp đồng tín dụng số 005/15/HDTD/104-11 ngày 08 tháng 05 năm 2015, số tiền vay 3,37 tỷ, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay 9,5%/năm áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay mua xe ô tô Mercedes - Benz S500L phục vụ đi lại.

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	24.452.835.491	24.452.835.491	14.535.596.524	14.535.596.524
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả	20.035.300.792	20.035.300.792	1.464.800.000	1.464.800.000
+ Công ty TNHH Cộng Phát	2.740.800.000	2.740.800.000	1.464.800.000	1.464.800.000
+ Công ty TNHH một thành viên Z76	2.550.000.000	2.550.000.000	-	-
+ Công ty TNHH Thịnh Phát	3.474.500.792	3.474.500.792	-	-
+ Hengli Machine Co.,Ltd	8.586.380.000	8.586.380.000	-	-
+ Yiwu Leatron Import and Export Co.,Ltd	2.683.620.000	2.683.620.000	-	-
- Các khoản phải trả người bán khác	4.417.534.699	4.417.534.699	13.070.796.524	13.070.796.524
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	24.452.835.491	24.452.835.491	14.535.596.524	14.535.596.524
c) Phải trả người bán là bên liên quan				
+ Công ty CP Delex Việt Nam	892.677.590	892.677.590	617.364.690	617.364.690
Cộng	892.677.590	892.677.590	617.364.690	617.364.690

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	1.466.152.290	-
Người mua trả tiền trước (chi tiết từ 10% trở lên tổng khoản trả trước)	1.466.152.290	-
- Megafine Industrial Limited	1.466.152.290	-
- Các khách hàng khác	-	-
Cộng	1.466.152.290	-

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp (chi tiết cho từng loại thuế)	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
- Thuế GTGT	191.947.029	9.272.829.922	9.464.776.951	-
- Thuế TNDN	1.521.767.726	2.701.041.863	1.529.241.926	2.693.567.663
- Thuế TNCN	-	1.777.500	-	1.777.500
- Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	1.713.714.755	11.975.649.285	10.994.018.877	2.695.345.163

b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Bảo hiểm xã hội	33.376.126	56.946.969
- Kinh phí công đoàn	-	-
- Phải trả, phải nộp khác	-	10.000.000
Cộng	33.376.126	66.946.969

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP
 Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09 - DN

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	25.000.000.000	-	-	-	(430.847.429)	24.569.152.571
Tăng vốn trong năm trước	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	5.858.160.810	5.858.160.810
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	125.000.000.000	-	-	-	5.427.313.381	130.427.313.381
Tăng vốn trong năm nay	49.554.000.000	-	-	-	-	49.554.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	9.279.477.904	9.279.477.904
Tăng khác	-	-	878.724.121	-	-	878.724.121
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	1.171.632.161	1.171.632.161
Số dư cuối năm nay	174.554.000.000	-	878.724.121	-	13.535.159.124	188.967.883.245



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	174.554.000.000	125.000.000.000
Cộng		174.554.000.000	125.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	125.000.000.000	25.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm (i)	49.554.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	174.554.000.000	125.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NHP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 06 năm 2015.

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.455.400	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.455.400	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.455.400	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.455.400	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.455.400	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

e) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế	9.279.477.904	5.858.160.810
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	9.279.477.904	5.858.160.810
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	12.939.707	7.135.858
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	717	821

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	878.724.121	-
- Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	-	-

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hạt nhựa	39.833.890.230	25.354.790.422
- Doanh thu bán bao bì	25.662.754.296	32.438.143.147
- Doanh thu khác	25.180.862.271	11.345.618.429
Cộng	90.677.506.797	69.138.551.998

2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	81.136.364	-
Cộng	81.136.364	-

3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán hạt nhựa	38.213.837.082	25.178.941.645
- Giá vốn bán bao bì	22.745.951.429	24.642.574.591
- Giá vốn khác	19.140.049.685	10.036.706.377
Cộng	80.099.838.196	59.858.222.613

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	10.112.027	1.015.643
Lãi từ hoạt động bán chứng khoán	5.750.000.000	-
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	65.638.468	-
+ <i>Lãi từ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	<i>65.638.468</i>	<i>-</i>
Cộng	5.825.750.495	1.015.643

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1.397.761.208	387.786.759
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	114.853.449	-
+ <i>Lỗ từ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	<i>15.613.404</i>	<i>-</i>
+ <i>Lỗ từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>99.240.045</i>	<i>-</i>
Cộng	1.512.614.657	387.786.759

6 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Xuất bán vỏ bao đựng nguyên vật liệu	1.006.388.638	-
Các khoản khác	-	145.000
Cộng	1.006.388.638	145.000

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí khác	279.571.241	1.903.217
- Các khoản phạt thuế	106.354.566	-
- Chi phí khác	173.216.675	1.903.217
Cộng	279.571.241	1.903.217

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	2.772.331.228	1.480.421.516
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	1.342.578.653	903.699.894
+ Chi phí nhân công	1.034.376.956	866.425.887
+ Chi phí khấu hao và phân bổ	308.201.697	37.274.007
- Các khoản chi phí QLDN khác	1.429.752.575	576.721.622
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm:	783.634.477	21.450.000
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	615.513.569	19.600.000
+ Chi phí nhân công	134.872.705	-
+ Chi phí vận chuyển	480.640.864	19.600.000
- Các khoản chi phí bán hàng khác	168.120.908	1.850.000
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa		
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác		
- Các khoản ghi giảm khác		
Cộng	3.555.965.705	1.501.871.516

9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.980.519.767	7.389.928.536
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	296.943.246	1.849.469
+ Chi phí khấu hao của phần tài sản là xe ô tô vượt trên 1,6 tỷ	87.624.001	-
+ Chi phí nộp phạt thuế	106.354.566	-
+ Chi phí lãi chậm nộp bảo hiểm	3.724.634	1.849.469
+ Chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	99.240.045	-
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	(429.197.432)
Số lỗ được chuyển từ các năm trước	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	12.277.463.013	6.962.580.573
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.701.041.863	1.531.767.726

10 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.489.833.710	43.778.683.043
Chi phí nhân công	4.820.265.956	4.212.552.633
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.083.659.162	1.321.223.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.919.861.675	15.238.146.514
Chi phí bằng tiền khác	144.200.333	1.482.263.806
Cộng	54.457.820.836	66.032.869.109

VIII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

IX. Những thông tin khác

1 . NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC

2 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tồng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Năm nay

Đơn vị tính : VND

Mẫu số B09 - DN

CHỈ TIÊU	Hạt nhựa	Bao bì	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	39.752.753.866	25.662.754.296	25.180.862.271	90.596.370.433
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.752.753.866	25.662.754.296	25.180.862.271	90.596.370.433
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.538.916.784	2.916.802.867	6.040.812.586	10.496.532.237
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				3.555.965.705
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				6.940.566.532
Doanh thu hoạt động tài chính				5.825.750.495
Chi phí tài chính				1.512.614.657
Thu nhập khác				1.006.388.638
Chi phí khác				279.571.241
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				2.701.041.863
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				9.279.477.904
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				19.448.689.091
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				2.388.992.324
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tồng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Năm trước

Mẫu số B09 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Hạt nhựa	Bao bì	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	25.354.790.422	32.438.143.147	11.345.618.429	69.138.551.998
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.354.790.422	32.438.143.147	11.345.618.429	69.138.551.998
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	175.848.777	7.795.568.556	1.308.912.052	9.280.329.385
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				1.501.871.516
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				7.778.457.869
Doanh thu hoạt động tài chính				1.015.643
Chi phí tài chính				387.786.759
Thu nhập khác				145.000
Chi phí khác				1.903.217
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				1.531.767.726
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				5.858.160.810
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				51.727.614.545
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				1.321.223.113
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Diêm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09 - DN

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CHỈ TIÊU		Hạt nhựa	Bao bì	Khác	Tổng cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận		29.055.864.553	18.757.279.442	18.405.057.570	66.218.201.565
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					198.315.034.790
Tổng tài sản					264.533.236.355
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận		643.332.518	415.309.198	407.510.574	1.466.152.290
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					74.099.200.820
Tổng nợ phải trả					75.565.353.110
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận		15.732.006.013	20.127.047.179	7.039.669.205	42.898.722.397
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					109.344.849.232
Tổng tài sản					152.243.571.629
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận		5.330.557.162	6.819.751.747	2.385.287.615	14.535.596.524
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					7.280.661.724
Tổng nợ phải trả					21.816.258.248

Đơn vị tính: VND

3.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

4.1 Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	9.266.946.816	3.200.390.713
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	91.000.000.000	45.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	51.464.998.463	32.442.851.462
Cộng	151.731.945.279	80.643.242.175

4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Đầm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ 5 năm trở lên	Cộng
Số cuối năm				
Các khoản vay	43.555.676.000	3.032.000.000		46.587.676.000
Phải trả người bán	24.452.835.491			24.452.835.491
Chi phí phải trả	80.000.000	-		80.000.000
Phải trả khác	33.376.126	-		33.376.126
Số đầu năm				
Các khoản vay	5.500.000.000	-		5.500.000.000
Phải trả người bán	14.535.596.524			14.535.596.524
Chi phí phải trả	-	-		-
Phải trả khác	66.946.969	-		66.946.969

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP
Địa chỉ: Thôn Diêm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

4.5 Giá trị hợp lý

- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

Đơn vị tính : VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	14.664.266.409	14.664.266.409	5.195.883.677	5.195.883.677
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	51.464.998.463	(*)	32.442.851.462	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	-	(*)	-	(*)
	91.000.000.000	(*)	45.000.000.000	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu				
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(43.555.676.000)	(43.555.676.000)	(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(24.486.211.617)	(24.486.211.617)	(14.602.543.493)	(14.602.543.493)
- Vay dài hạn	(3.032.000.000)	(3.032.000.000)	-	-
	86.055.377.255	(*)	62.536.191.646	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Thông tin về các bên liên quan

a) Công ty có giao dịch trong năm và số dư tại ngày 31/12/2015 với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung Giao dịch</u>	<u>Giá trị giao dịch</u>	<u>Số dư cuối năm (VND)</u>
Công ty CP Delex Việt Nam	Công ty liên doanh, liên kết	Bán hàng	10.506.752.100	-
		Mua hàng	2.785.920.000	892.677.590
Công ty CP Đầu tư NHP	Công ty liên doanh, liên kết	Mua hàng	5.973.968.000	5.973.968.000
Công ty TNHH Thịnh Phát	Ông Ngô Văn Phương là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cũng đồng thời là Giám đốc Công ty TNHH Thịnh Phát	Bán hàng	56.544.660.092	24.395.988.915
		Mua hàng	25.500.456.949	3.474.500.792
Ông Lê Xuân Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	20.000.000	112.522.061
Bà Nguyễn Hương Thảo	Kế toán trưởng (đến hết ngày 02/10/2015)	Góp vốn	13.000.000.000	13.000.000.000

b). Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay VND</u>
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Tổng Giám đốc	98.112.124
Bà Phạm Thị Thủy	Trưởng Ban kiểm soát	71.651.923
Ông Lê Đức Bắc	Thành viên	68.869.231
Bà Nguyễn Hương Thảo	Kế toán trưởng (đến hết ngày 02/10/2015)	48.050.000
Ông Phạm Thiên Thành	Kế toán trưởng (kể từ ngày 02/10/2015)	14.000.000

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT và phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các chỉ tiêu thay đổi do phân loại lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính như sau:

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<u>TÀI SẢN</u>	<u>Mã số theo Thông tư 200/2014/TT-BTC</u>	<u>Nội dung thay đổi</u>	<u>Số đầu năm trên báo cáo tài chính năm 2015</u>	<u>Số cuối năm trên báo cáo tài chính năm 2014</u>
A. Tài sản ngắn hạn				
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	Chuyển từ Tài sản ngắn hạn khác là: tạm ứng; cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ sang	43.996.799.063	38.196.970.144
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	Chuyển tạm ứng; cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ sang các khoản phải thu ngắn hạn khác	23.997.600	5.823.826.519

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09 - DN

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp)

TÀI SẢN	Mã số theo Thông tư 200/2014/TT- BTC	Nội dung thay đổi	Số đầu năm trên báo cáo tài chính năm 2015	Số cuối năm trên báo cáo tài chính năm 2014
B. Tài sản dài hạn				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		53.197.300.523	53.197.300.523
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		127.838.513	127.838.513

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Minh

Phạm Thiên Thành

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Mai Hương